

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm và bà Nguyễn Thị Tường Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Chiến và bà Trương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX - ST ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T - Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số nhà , khu 3, thị trấn V L, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc H - Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số nhà , khu 3, thị trấn V L, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa . Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Ngọc Lâm, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Hưng, sinh năm 1953;

Đều trú tại: Số nhà , khu 3, thị trấn V L, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa Người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Ngọc L, là bà Nguyễn Thị H1 (Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2023). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” ngày 03/10/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Ngọc H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thành (nay là thị trấn Vĩnh Lộc), huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/5/2006. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 4/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Lê Ngọc H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên là Lê Ngọc Phương A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/3/2007 và Lê Ngọc Huyền Tr (Giới tính: Nữ), sinh ngày 22/10/2011. Sau ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 1.000.000đồng/01 tháng, 02 cháu là 2.000.000đồng/01 tháng, cho đến khi cả 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 khu đất ở tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 07, có diện tích là 188m² (trong đó đất ở là 70m², đất trồng cây lâu năm: 118m²); Tên người sử dụng đất, là ông Lê Ngọc H và bà Lê Thị T; Địa chỉ thửa đất: Khu 3, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. 01 ngôi nhà lợp ngói (04 gian), có diện tích khoảng 70m² và công trình phụ (nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh) do bố mẹ anh H làm trước khi chị T và anh H kết hôn. Nhưng đến năm 2017, vợ chồng có công sức sửa chữa, chi phí hết 25.000.000 đồng. Hiện tại bố mẹ anh H đang ở chung với vợ chồng chị T, anh H trên thửa đất này. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng, là 48.596.000đ (Bốn mươi tám triệu, năm trăm chín sáu nghìn đồng). Chị T yêu cầu tài sản chung chia theo quy định của pháp luật.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay tài sản gì, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 14/12/2023 và tại phiên tòa chị T đề nghị được rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Lê Ngọc H và chị Lê Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thành (nay là thị trấn Vĩnh Lộc), huyện Vĩnh Lộc,

tỉnh Thanh Hóa, ngày 15/5/2006. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng vẫn sống chung trong cùng một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị T đang còn nên anh H không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên là Lê Ngọc Phương A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/3/2007 và Lê Ngọc Huyền Tr (Giới tính: Nữ), sinh ngày 22/10/2011. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Ngọc Huyền Tr, để chị T trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Ngọc Phương A. Anh H và chị T không ai pH đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Năm 1993 bố mẹ anh H là ông Lê Ngọc L và bà Nguyễn Thị H1 làm một ngôi nhà ngói cấp 4 (5 gian nhà, 3 gian bếp) và toàn bộ công trình phụ làm riêng phía ngoài. Đến năm 2012 bố mẹ anh H tách thửa đất cho 03 người con trong đó có vợ chồng anh H. Sau đó vợ chồng anh H, chị T được UBND huyện Vĩnh Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/11/2012. Hiện nay bố mẹ anh đang ở chung cùng với vợ chồng anh H. Đến năm 2017 bố mẹ anh H sửa nhà, vợ chồng anh H đóng góp 25.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng anh H không đồng ý. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay tài sản gì, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2023, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc L, bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Năm 1993 ông Lê Ngọc L và bà Nguyễn Thị H1 làm một ngôi nhà ngói cấp 4 (5 gian nhà, 3 gian bếp) và toàn bộ công trình phụ làm riêng phía ngoài. Đến năm 2012 ông L, bà H1 tách thửa đất cho 03 người con trong đó có vợ chồng anh H, chị T. Sau đó vợ chồng anh H, chị T được UBND huyện Vĩnh Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/11/2012. Hiện nay ông L, bà H1 đang ở chung cùng với vợ chồng anh H, chị T. Đến năm 2017 ông L, bà H1 sửa chữa nhà, vợ chồng anh H, chị T đóng góp 25.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng ông L, bà H1 không đồng ý. Ông L, bà H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, vụ án giải quyết đúng thời hạn quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị T.

+ Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Ngọc H.

+ Về con chung: Giao chị T trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Huyền Tr. Giao anh H trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Phương A. Chị T, anh H không ai pH đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về án phí: Chị T pH nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn đối với anh Lê Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về con chung và chia tài sản chung khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Anh Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thành (nay là thị trấn Vĩnh Lộc), huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, ngày 15/5/2006, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng chị T, anh H hòa thuận, hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không phù hợp nên thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng hay xảy ra va chạm, xích mích. Từ tháng 4/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Lê Ngọc H.

Anh H xác định tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị T vẫn còn nên anh H không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ để

cùng nuôi dạy con cái. Mặc dù anh H cho rằng anh H vẫn còn tình cảm với chị T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên kể từ khi chị T yêu cầu giải quyết ly hôn cho đến nay bản thân anh H cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T đến nay vẫn không được cải thiện.

Xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đến nay đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy xử cho chị T được ly anh H là phù hợp với quy định tại điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên là Lê Ngọc Phương A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/3/2007 và Lê Ngọc Huyền Tr (Giới tính: Nữ), sinh ngày 22/10/2011. Chị T, anh H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy chị T, anh H đều đang có việc làm và thu nhập ổn định nên cả chị T và anh H đều có khả năng nuôi con. Vì vậy giao cho chị T và anh H cùng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Giao chị T trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Huyền Tr. Giao anh H trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Phương A. Chị T, anh H không ai pH đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định tại điều 82 luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện. Chị T không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Đây là sự tự nguyện của chị T và phù hợp với quy định của pháp luật. Anh H, vợ chồng ông L, bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng chị T, anh H là phù hợp.

[5] Về công nợ: Vợ chồng chị T, anh H không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho chị T là phù hợp.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của chị Lê Thị T.

2 - Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Ngọc H.

3 - Về con chung:

3.1. Giao con chung tên là Lê Ngọc Huyền Tr (Giới tính: Nữ), sinh ngày 22/10/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

3.2. Giao con chung tên là Lê Ngọc Phương A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/3/2007 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

3.3. Chị T, anh H không pH đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

3.4. Chị T, anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

4 - Về án phí: Chị T pH chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0004939 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Trả lại cho chị Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản là 1.215.000 đồng (Một triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004939 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Ngọc H, ông Lê Ngọc L, bà Nguyễn Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THA huyện Vĩnh Lộc;
- UBND TT Vĩnh Lộc.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Ngô Thị Tuyết

